

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2021/KDTM-ST

Ngày: 30/12/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Minh Cường.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Bà Ngô Thị Yêm
 - 2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 115/2021/TLST-KDTM ngày 24 tháng 05 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST- KDTM ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTT (*sau đây gọi tắt là V*); Trụ sở: Số 89 LH, phường LH, quận DD, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (*Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020*).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Chuyên viên xử lý nợ (*Văn bản ủy quyền số 1799/2021/UQ-LCC-KHCNMB02 ngày 12/7/2021*).

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trương Đăng L – Sinh năm 1966; 2. 2. Bà Ngô Thị T – Sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu 6, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTT theo Hợp đồng tín dụng số LN1906101449137 ký ngày 18/6/2019 và Hợp đồng thế tín dụng số 135-P-3727573 ký ngày 29/7/2019 tổng số tiền tính đến ngày 06/12/2021 là 1.140.621.709 đồng (Một tỉ, một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng) trong đó:

+ Hợp đồng thế tín dụng số 135-P-3727573 ký ngày 29/7/2019. Tổng số = 87.152.925 đồng, trong đó: Nợ gốc 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn 47.152.925 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LN1906101449137 ký ngày 18/6/2019. Tổng số = 1.053.468.784 đồng, trong đó: Nợ gốc 778.983.835 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.633.339 đồng; Nợ lãi quá hạn: 237.041.193 đồng; Phạt chậm trả 25.810.417 đồng.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 40 có địa chỉ: Khu 6, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH620999 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T ngày 02/3/2017).

Nay ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do vậy Ngân hàng yêu cầu bên vay phải trả toàn bộ số nợ trên. Trường hợp ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTT có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để thu hồi nợ.

* Bị đơn, ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T không hợp tác làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.

- Bị đơn, chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền còn phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ: Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho họ theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 30/12/2021, ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTT theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thẻ tín dụng số 135-P-3727573 ký ngày 29/7/2019. Tổng số = 89.318.520 đồng, trong đó: Nợ gốc 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn 49.318.520 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LN1906101449137 ký ngày 18/6/2019. Tổng số = 1.064.081.040 đồng, trong đó: Nợ gốc 778.983.835 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.633.339 đồng; Nợ lãi quá hạn: 245.799.959 đồng; phạt chậm trả: 27.663.907đ.

Xét thấy: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng tín dụng bên cho vay, bên vay đều có đầy đủ tư cách pháp nhân; Hợp đồng ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định của pháp luật do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Bị đơn trong vụ này đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V.

[2.2] Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 40 có địa chỉ: Khu 6, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH620999 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T ngày 02/3/2017).

Tại mục 1, Điều 2 của Hợp đồng thế chấp có ghi: “Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường...của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên thế chấp với bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này...”

Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu V về nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp trên đối với toàn bộ khoản nợ của ông L và bà T phát sinh trước, trong và sau khi ký hợp đồng thế chấp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm loại có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[3.2] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Căn cứ vào Các Điều 351, 353, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V đối với ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị Thìn.

2. Buộc ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T trả nợ cho V (*tính đến ngày 30/12/2021*) tổng số tiền là 1.153.399.560 đồng, theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thẻ tín dụng số 135-P-3727573 ký ngày 29/7/2019. Tổng số = 89.318.520 đồng, trong đó: Nợ gốc 40.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn 49.318.520 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LN1906101449137 ký ngày 18/6/2019. Tổng số = 1.064.081.040 đồng, trong đó: Nợ gốc 778.983.835 đồng; Nợ lãi trong hạn 11.633.339 đồng; Nợ lãi quá hạn: 245.799.959 đồng; phạt chậm trả: 27.663.907đ.

3. Trường hợp ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại Khu 6, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH620999 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T ngày 02/3/2017) để thu hồi nợ.

4. Kể từ ngày 31/12/2021, hàng tháng ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T còn phải tiếp tục trả cho V khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN1906101449137 ký ngày 18/6/2019 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 135-P-3727573 ký ngày 29/7/2019 với V.

5. Án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Buộc ông Trương Đăng L và bà Ngô Thị T phải nộp 46.601.000đ (*Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ một nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước; Hoàn trả lại cho Ngân hàng V 22.187.000đ (*Hai hai triệu, một trăm tám bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0045240 ngày 24/05/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường